TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 7 năm 2022
"V/v ly hôn tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư
Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992
Địa chỉ: Số nhà 8, ngách 22, ngõ 445, đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.
**Bị đơn:* Nguyễn Văn C, sinh năm 1988
Địa chỉ: Số nhà 12, ngách 1, ngõ 479, đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.
(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn C vào ngày 20/3/2015. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B. Sau khi kết hôn chung sống với nhau ngay tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc.

Trong quá trình chung sống mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh trầm trọng từ đầu năm 2016, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm dẫn đến va chạm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và mất lòng tin với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được người thân khuyên giải nhiều lần nhưng không đem lại kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay.

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn thương yêu nhau, chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Con chung của vợ chồng là Nguyễn Quỳnh Chi, sinh ngày 09/11/2015; Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 05/7/2017; Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 14/10/2020, hiện chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 03 con chung, chị có công việc và thu nhập nơi ở ổn định đảm bảo được cuộc sống của con chung. Trường hợp anh C có nguyện vọng nuôi con chung là Nguyễn Quỳnh Chi thì chị cũng đồng ý. Chi nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức Minh và Nguyễn Quỳnh Anh, để đảm bảo quyền lợi của con, hàng tháng chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Quỳnh Anh đối với chị 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ 15/8/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng, chị không đề nghị Tòa án giải quyết, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2022, và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C xác nhận về thời gian, thủ tục và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ngay tình cảm ban đầu hoà thuận, hạnh phúc.

Trong quá trình chung sống mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh trầm trọng từ năm 2016, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bản thân anh có chơi bời dẫn đến nợ nần, không quan tâm nhiều đến gia đình từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống , vợ chồng anh đã sống ly thân không bên nào quan tâm đến nhau nữa.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn thương yêu nhau và vì con chung, anh mong muốn chị T rút đơn khởi kiện ly hôn đối với anh để vợ chồng đoàn tụ gia đình nuôi dậy con chung. Trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Con chung là Nguyễn Quỳnh Chi, sinh ngày 09/11/2015; Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 05/7/2017; Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 14/10/2020. Hiện con chung đang sống cùng chị T, cuộc sống của con chung vẫn ổn định. Trường hợp vợ chồng anh ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quỳnh Chi, sinh ngày 09/11/2015. Anh C đồng ý giao hai con chung là Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 05/7/2017; Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 14/10/2020 cho chị T nuôi dưỡng, kể từ khi sau ly hôn hàng tháng anh cấp dưỡng nuôi con Nguyễn

Quỳnh Anh đối với chị T 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ 15/8/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản xác minh ngày 13/6/2022, tại địa phương nơi chị T và anh C cư trú thể hiện quá trình chung sống vợ chồng chị T anh C có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không được biết.

*Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật. Nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn đề nghị chị T rút đơn khởi kiện ly hôn để vợ chồng đoàn tụ gia đình nuôi dậy con chung. Trường hợp chị T kiên quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 05/7/2017; Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 14/10/2020. Giao cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quỳnh Chi, sinh ngày 09/11/2015.

- Về cấp dưỡng nuôi con hàng tháng anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 14/10/2020 với chị T 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ 15/8/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị T thì thấy đây là quan hệ *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Bị đơn là anh Nguyễn Văn C cư trú tại thành phố B, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B giải quyết vụ án là đúng với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 20/3/2015 đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T và anh C đều xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chị T khai do anh C không quan tâm đến gia đình ham chơi dẫn đến nợ nần, làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung trong gia đình, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T kiên quyết đề nghị giải quyết cho hai người được ly hôn, anh C xác định vẫn còn tình cảm với chị T, anh mong muốn chị T rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kiên trì hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc ly hôn, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh C. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh C có 03 con chung là Nguyễn Quỳnh Chi, sinh ngày 09/11/2015; Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 05/7/2017; Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 14/10/2020. Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau anh C nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quỳnh Chi, chị T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức Minh và Nguyễn Quỳnh Anh. Hàng tháng anh C cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Quỳnh Anh đối với chị T 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ 15/8/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, sự thỏa thuận của các đương hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[3.3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh C đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[5].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 05/7/2017; Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 14/10/2020 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Quỳnh Chi, sinh ngày 09/11/2015 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng anh C cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Quỳnh Anh đối với chị T 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ 15/8/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001478 ngày 19/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và đến hạn thực hiện việc cấp

dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. B;
- CCTHA dân sự TP. B;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Văn Tú